

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/9/2022

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Huỳnh Ngọc Sương**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hữu Thuận

Ông Lê Minh Thư

- Thư ký phiên toà: Ông **Lê Kim Hồ** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long: Không tham gia

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 67/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thanh D**, sinh năm 1984 (có mặt)

Đăng ký trường trú: tổ 4, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

Địa chỉ tạm trú: ấp 2, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp

2. *Bị đơn:* Ông **Trần Văn V**, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Nơi cư trú: tổ 4, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1980 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp 2, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai ngày 22/02/2022 nguyên đơn Nguyễn Thanh D trình bày:

Vào năm 2015 bà và ông Trần Văn V qua mai mối tiền đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Lược, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Nữ trang cưới có 05 chỉ vàng 24k, số vàng này vợ chồng đã bán chi tiêu hết.

Sau khi kết hôn bà và ông V về sống tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Trong thời gian sống chung bà và ông V thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do ông V không quan tâm đến gia đình, vợ con dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Thời gian kéo dài, mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng không giải quyết được nên bà và ông V đã sống ly thân nhau từ năm 2018 đến nay.

Trong thời gian chung sống bà và ông V có một con chung tên Trần Nguyễn Thanh P (sinh ngày 15/4/2018), cháu P đang sống với bà tại ấp 2, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Bà và ông V không có tài sản chung, không thiếu nợ ai, cũng không ai thiếu nợ bà và ông V.

Nay bà Nguyễn Thanh D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà được ly hôn với ông Trần Văn V

Về con chung: Bà Nguyễn Thanh D yêu cầu giải quyết cho bà được nuôi dưỡng cháu Trần Nguyễn Thanh P, bà không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà không còn yêu cầu nào khác.

Tại bản khai ngày 09/9/2022 ông Trần Thanh V trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thanh D qua mai mối tiền đến hôn nhân vào năm 2015, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Lược, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long. Nữ trang cưới có 05 chỉ vàng 24k. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 03 năm và có một con chung tên Trần Nguyễn Thanh P (sinh năm 2018). Sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình và cách cư xử không hợp nhau nên bà D đem con về nhà mẹ ruột ở Đồng Tháp sống từ năm 2018 đến nay.

Nay bà D xin ly hôn với ông thì ông đồng ý vì vợ chồng không còn tình cảm.

Về con chung: Ông đồng ý giao cháu Trần Nguyễn Thanh P cho bà D nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về quan hệ tài sản: Ngoài 05 chỉ vàng cưới trong thời gian chung sống vợ chồng đã bán chi tiêu trong gia đình hết thì ông bà D không còn tài sản chung nào khác.

Về nợ chung: Do thời gian đã lâu nên ông không xác định được vợ chồng có thiếu nợ anh Nguyễn Văn L 02 chỉ vàng như anh L yêu cầu hay không, ông sẽ gặp trực tiếp ông L để thỏa thuận. Ngoài ra, ông không trình bày gì thêm.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 13/5/2022 ông Nguyễn Văn L trình bày:

Vào khoảng tháng 9/2017 âm lịch, ông cho ông Trần Văn V và bà Nguyễn Thanh D mượn 02 chỉ vàng 24k, mục đích mượn vàng để làm vốn làm ăn, thời hạn mượn là 02 năm (tháng 9/2017 – 9/2020 âm lịch), do là chỗ anh em ruột tin tưởng nên không có lập giấy tờ. Nay đã quá thời hạn nhưng vợ chồng ông V, bà D không trả cho ông số vàng trên nên ông yêu cầu bà Trần Thanh D và ông Trần Văn V mỗi người có trách nhiệm trả cho ông 01 chỉ vàng 24k.

Tại phiên tòa:

- Bà Nguyễn Thanh D trình bày: Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn với ông Trần Văn V và yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Trần Nguyễn Thanh P, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra, bà không còn yêu cầu nào khác.

- Anh Nguyễn Văn L trình bày: Tại phiên tòa hôm nay ông xin rút lại toàn bộ yêu cầu đối với bà Nguyễn Thanh D và ông Trần Văn V về việc yêu cầu bà D và ông V mỗi người có trách nhiệm trả cho ông 01 (một) chỉ vàng 24k, vì ông V đã thực hiện nghĩa vụ trả cho ông 01 (một) chỉ vàng 24k xong, đối với bà D thì ông và bà D đã thỏa thuận với nhau, không còn tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết. Ngoài ra, ông không còn yêu cầu nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nguyên đơn Nguyễn Thanh D yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn V có nơi cư trú tại tổ 4, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long là quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, tiến hành các cuộc họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được do đó Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tại phiên tòa, bị đơn Trần Văn V tuy vắng mặt nhưng có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét bà Nguyễn Thanh D và ông Trần Văn V sống chung và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa bà D và ông V là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông V phát sinh nhiều mâu thuẫn nên bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông V.

Xét việc bà Nguyễn Thanh D xin ly hôn với ông Trần Văn V là có cơ sở chấp nhận. Bởi vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc chung trong gia đình và có nghĩa vụ chung sống với nhau để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc nhưng theo lời trình bày của bà D (tại Đơn khởi kiện và bản khai ngày 22/02/2022) và lời trình bày của ông V (tại Bản khai ngày 09/9/2022) thì trong cuộc sống hôn nhân giữa bà D và ông V thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống không có tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng không giải quyết được dẫn đến vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2018 đến nay (bà D thì cho rằng ông V không quan

tâm đến gia đình, vợ con; ông V thì cho rằng tính tình và cách cư xử của ông và bà D không hợp nhau). Với những mâu thuẫn nêu trên thể hiện tình trạng hôn nhân giữa bà D và ông V đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thanh D, cho bà D ly hôn với ông Trần Văn V

[3.2] *Về con chung:* Bà Nguyễn Thanh D yêu cầu giải quyết cho bà được nuôi cháu Trần Nguyễn Thanh P, bà không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con, ông V có ý kiến thống nhất giao cháu P cho bà D nuôi dưỡng, chăm sóc. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà D, giao cháu Trần Nguyễn Thanh P cho bà Nguyễn Thanh D nuôi dưỡng đến khi cháu P đủ 18 tuổi. Ông Trần Văn V được quyền trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung theo quy định tại Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Trong vụ án này bà Nguyễn Thanh D không yêu cầu ông Trần Văn V cấp dưỡng nuôi cháu Trần Nguyễn Thanh P nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.3] *Về quan hệ tài sản:*

- Về tài sản chung: Bà D và ông V đều trình bày không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Ông Nguyễn Văn L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Văn V và bà Nguyễn Thanh D mỗi người có trách nhiệm trả cho anh L 01 (một) chỉ vàng 24k. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông L đã rút lại toàn bộ yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Xét việc ông Nguyễn Văn L rút toàn bộ yêu cầu đối với bà Nguyễn Thanh D và ông Trần Văn V là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu của ông Nguyễn Văn L về việc yêu cầu bà D và ông V mỗi người có trách nhiệm trả cho ông 01 (một) chỉ vàng 24k theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thanh D phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Nguyễn Văn L được hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại khoản 3 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, khoản 1 Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thanh D.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thanh D ly hôn với ông Trần Văn V

1.2. Về con chung: Giao cháu Trần Nguyễn Thanh P (sinh ngày 15/4/2018) cho bà Nguyễn Thanh D trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực đến khi cháu P đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định của Tòa án về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con. Ông Trần Văn V chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Văn V có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Ngoài ra, ông V còn thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1.3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2. Đình chỉ yêu cầu của ông Nguyễn Văn L về việc yêu cầu bà Nguyễn Thanh D và ông Trần Văn V mỗi người có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn L 01 (một) chỉ vàng 24k.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thanh D nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền án phí bà D phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0013522 ngày 21/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn L số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo lai thu số 0013626 ngày 13/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Dương sự: 02b
- VKSND huyện Bình Tân: 01b;
- UBND xã Tân Lược, huyện Bình Tân: 01b;
- CCTHADS huyện Bình Tân: 01b;
- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV&THA): 01b
- Lưu hồ sơ vụ án: 01b

(Đã ký)

Huỳnh Ngọc Sương